

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7-2017

V/v Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn
và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Lũy
2. Bà Trần Ngọc Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thành Thuận - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2017/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2017, về “*Tranh chấp hôn nhân - gia đình, xin ly hôn và nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1987. Nơi cư trú ấp PQ, xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Huỳnh Thanh Đ, sinh năm 1984. Nơi cư trú ấp PQ, xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị T có mặt, anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26-4-2016, bản tự khai ngày 05-4-2017 và lời khai tại phiên tòa thì chị Trần Thị Thu T trình bày: Chị với anh Đ thành vợ chồng vào ngày 09-4-2014, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 09-7-2015 của Ủy ban nhân dân xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và chính thức ly thân từ đây.

- Con chung có 01 đứa tên Huỳnh Thanh Tiến M, sinh ngày 03-7-2015, sống với chị.

- Về quan hệ tài sản; về nợ phải thu và phải trả: Không có.

- Yêu cầu:

+ Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Đ.

+ Về quan hệ con chung: Được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

+ Về quan hệ tài sản; nợ phải thu và nợ phải trả: Không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

- Anh Đ đã được tổng đạt 02 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy lập biên bản không tiến hành hoà giải được.

- Anh Đ đã được tổng đạt lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung :

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu T với anh Huỳnh Thanh Đ có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 09-7-2015 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang thì anh, chị được chứng nhận kết hôn vào ngày 09 tháng 7 năm 2015. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra, tại đơn khởi kiện và bản tự khai thì chị T khai quá trình chung sống thời gian đầu từ tháng 9-2014 đến tháng 7-2015 (10 tháng) có hạnh phúc, từ tháng 7 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi và chính thức ly thân từ đây đến nay (02 năm). Riêng anh Đ đã được triệu tập hoà giải lần thứ 02 vẫn vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 5 năm 2017 thì bà Nguyễn Thị K (mẹ ruột của anh Đ) khai: Đ và T có tìm hiểu nhau trước, đến tháng 09-2014 thì cha, mẹ đôi bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang. Thời gian đầu hai đứa chung sống tại nhà cha, mẹ của T, nghe Đ nói vợ, chồng thường xuyên cự cãi và Đ bất đồng ý kiến với cha của T, vì vậy Đ về nhà bà chung sống, sau đó đi Bình Dương làm công đến nay. Sau khi nhận các thông báo của Tòa án bà có báo cho Đ biết và Đ đồng ý ly hôn, đồng ý cho T tiếp tục nuôi con, Đ không phải cấp

dưỡng nuôi con, ý kiến của bà là hiện nay mỗi đứa một nơi nên cho họ ly hôn. Từ những tình tiết trên đây, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Anh Đ, chị T có 01 đứa con tên Huỳnh Thanh Tiến M, sinh ngày 03-7-2015, sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi, anh Đ đồng ý, hơn nữa cháu M sinh ngày 03-7-2015 nên giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đáng lẽ anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con theo luật định nhưng chị T tự nguyện không yêu cầu, do đó anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản và nợ phải thu: không có, vì vậy HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ nợ phải trả: Chị T khai không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí DSST: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng anh Đ được triệu tập họp lệ 02 lần để tiến hành phiên họp, hòa giải và xét xử nhưng điều vắng mặt, điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa thật sự nghiêm. Về nội dung, yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị T là có căn cứ pháp luật đề nghị HĐXX xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân – gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh Đ.

- Về quan hệ con chung:

+ Chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đứa con tên Huỳnh Thanh Tiến M, sinh ngày 03-7- 2015. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng không ai được ngăn cản mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh Đ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

+ Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí DSST:

+ Chị T phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012848 ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang (Chị T không phải nộp thêm).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đ có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Dũng